

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Nắm được một số quy tắc về số câu, số tiếng, vần, nhịp, thanh,... của một số thể thơ truyền thống (lục bát, song thất lục bát, ngũ ngôn và thất ngôn Đường luật), từ đó hiểu thêm về những đổi mới, sáng tạo của thơ hiện đại.
- Biết linh hoi và phân tích thơ theo những quy tắc của luật thơ.

I - KHÁI QUÁT VỀ LUẬT THƠ

1. Luật thơ là toàn bộ những quy tắc về số câu, số tiếng (chữ), cách hiệp vần, phép hài thanh, ngắt nhịp,... trong các thể thơ được khai quát theo những kiểu mẫu nhất định. Ví dụ : Luật của các thể lục bát, song thất lục bát, ngũ ngôn và thất ngôn,...

Các thể thơ Việt Nam có thể phân chia thành 3 nhóm chính :

- a) Các thể thơ dân tộc gồm : lục bát, song thất lục bát và hát nói.
- b) Các thể thơ Đường luật gồm : ngũ ngôn, thất ngôn (tứ tuyệt và bát cú).
- c) Các thể thơ hiện đại gồm : nǎm tiếng, bảy tiếng, tám tiếng, hồn hợp, tự do, thơ – văn xuôi,...

2. Sự hình thành luật thơ cũng như sự vay mượn, mô phỏng và cách tân các thể thơ đều phải dựa trên các đặc trưng ngữ âm của tiếng Việt, trong đó *tiếng* là đơn vị có vai trò quan trọng.

– Tiếng là đơn vị cấu tạo ý nghĩa và nhạc điệu dòng thơ, bài thơ. Ngay tên gọi các thể thơ cũng căn cứ vào số tiếng của dòng thơ : thể lục bát (6 – 8 tiếng), thể ngũ ngôn (5 tiếng), thể thất ngôn (7 tiếng),...

– Tiếng gồm 3 phần : phụ âm đầu, vần và thanh điệu. Vần thơ là phần được lặp lại để liên kết dòng trước với dòng sau. Ví dụ :

Trong đầm gì đẹp bằng sen

Lá xanh bông trắng lại chen nhí vàng...

(Ca dao)

Vị trí hiệp vần là một yếu tố quan trọng để xác định luật thơ.

Mỗi tiếng có một trong số 6 thanh điệu (thanh) : ngang, huyền, sắc, nặng, hỏi, ngã. Theo truyền thống, người ta phân chia các thanh có đường nét bằng (*ngang* và *huyền*) gọi là *thanh bằng* (B) và các thanh còn lại (*sắc*, *nặng*, *hỏi*, *ngã*) có đường nét gãy, đổi hướng là *thanh trắc* (T). Sự luân phiên đổi xứng và hài hòa của các thanh bằng, trắc tạo nên nhạc điệu thơ.

– Các tiếng có thanh bằng hay trắc ở những vị trí không đổi tạo chòi ngừng, sự ngắt nhịp. Số tiếng chẵn hoặc lẻ ở về cuối dòng thơ tạo nên nhịp thơ chẵn hoặc lẻ. Chẳng hạn, thể lục bát có nhịp chẵn 2/2..., thể ngũ ngôn có nhịp lẻ 2/3,...

Như vậy, số tiếng và các đặc điểm của tiếng về cách hiệp vần, phép hài thanh, ngắt nhịp,... là các nhân tố cấu thành luật thơ.

Ngoài việc căn cứ vào đặc điểm của tiếng, luật thơ còn được xác định theo số dòng thơ trong bài, quan hệ của các dòng thơ về kết cấu, về ý nghĩa. Những điều này phụ thuộc vào từng thể thơ.

II – MỘT SỐ THỂ THƠ TRUYỀN THỐNG

1. Thể lục bát (còn gọi là thể sáu – tám)

Ví dụ :

Trăm năm trong cõi người ta

Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau

Trải qua một cuộc bể dâu

Những điều trong thấy mà đau đớn lòng

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

– Số tiếng : Mỗi cặp lục bát gồm hai dòng (dòng lục : 6 tiếng, dòng bát : 8 tiếng). Bài thơ lục bát là sự kế tiếp của các cặp như thế.

– Vần : Hiệp vần ở tiếng thứ 6 của hai dòng và giữa tiếng thứ 8 của dòng bát với tiếng thứ 6 của dòng lục.

– Nhịp : Nhịp chẵn dựa vào tiếng có thanh không đổi (tức các tiếng 2, 4, 6) : 2/2/2.

– Hài thanh : Có sự đối xứng luân phiên B – T – B ở các tiếng 2, 4, 6 trong dòng thơ ; đối lập âm vực trầm bổng ở tiếng thứ 6 và thứ 8 dòng bát.

2. Thể song thất lục bát (còn gọi là thể *gián thất* hay *song thất*)

Ví dụ :

*Ngòi đầu cầu nước trong như lọc,
Đường bên cầu có mọc cỏ non.
Đua chàng lòng đặc đặc buồn,
Bộ khôn bằng ngựa, thuỷ khôn bằng thuyền.*

(Đoàn Thị Điểm (?), *Chinh phụ ngâm*)

– Số tiếng : Cặp song thất (7 tiếng) và cặp lục bát (6 – 8 tiếng) luân phiên kế tiếp nhau trong toàn bài.

– Vần : Hiệp vần ở mỗi cặp (*lọc – mọc, buồn – khôn*) ; cặp song thất có vần trắc, cặp lục bát có vần bằng. Giữa cặp song thất và cặp lục bát có vần liền (*non – buồn*).

– Nhịp : 3/4 ở hai câu thất và 2/2/2 ở cặp lục bát.

– Hài thanh : Cặp song thất lấy tiếng thứ ba làm chuẩn, có thể có thanh bằng (câu thất – bằng) hoặc trắc (câu thất – trắc) nhưng không bắt buộc.

Ví dụ :

*Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy
Thấy xanh xanh những mây ngàn đâu.*

(Đoàn Thị Điểm (?), *Chinh phụ ngâm*)

Còn cặp lục bát thì sự đối xứng bằng – trắc chặt chẽ hơn (giống như ở thể lục bát).

3. Các thể ngũ ngôn Đường luật

Gồm 2 thể chính : ngũ ngôn tú tuyệt (5 tiếng 4 dòng) và ngũ ngôn bát cú (5 tiếng 8 dòng). Theo quan niệm phổ biến, bài thơ thuộc thể ngũ ngôn bát cú có bố cục 4 phần : *đè, thực, luận, kết*.

Ví dụ một bài thơ ngũ ngôn bát cú :

MẶT TRĂNG

*Vầng vắc bóng thuyền quyên
Mây quang gió bốn bên*

*Nè cho trời đất trắng
Quét sạch núi sông đen
Có khuyết nhưng tròn mãi
Tuy già vẫn trẻ lên
Mảnh gương chung thế giới
Soi rõ : mặt hay, hèn.*

(Khuyết danh)

- Số tiếng : 5 tiếng ; số dòng : 8 dòng (thơ tứ tuyệt chỉ có 4 dòng).
- Vần : 1 vần (độc vận), gieo vần cách (*bên, đen, lên, hèn*).
- Nhịp lẻ : 2/3,
- Hài thanh : Có sự luân phiên B – T hoặc niêm B – B, T – T ở tiếng thứ hai và thứ tư.

4. Các thể thát ngôn Đường luật

Gồm 2 thể chính : thát ngôn tứ tuyệt và thát ngôn bát cú. Đây là hai thể thơ có kết cấu, niêm luật chặt chẽ, được nhiều người ưa thích và đến nay vẫn được nhiều người sử dụng để sáng tác.

a) *Thát ngôn tứ tuyệt* (còn gọi là *thể tứ tuyệt* hay *tuyệt cú*)

Ví dụ :

ÔNG PHỐNG ĐÁ
*Ông đứng làm chi đó hỡi ông ?
Tro tro như đá, vũng như đồng
Đêm ngày gìn giữ cho ai đó ?
Non nước đây với có biết không ?*

(Nguyễn Khuyến)

- Số tiếng : 7 tiếng ; số dòng : 4 dòng.
- Vần : Vần chẵn, độc vận, gieo vần cách (*đồng – không*).
- Nhịp : 4/3.

- Hài thanh theo mô hình sau :

		Tiếng	1	2	3	4	5	6	7
Niêm và đổi									
Niêm	Đổi	Dòng 1		T		B		T	
		Dòng 2		B		T		B	Vần
Niêm	Đổi	Dòng 3		B		T		B	
		Dòng 4		T		B		T	Vần

b) *Thất ngon bát cú*

Ví dụ :

QUA ĐÈO NGANG

*Bước tới Đèo Ngang, bóng xé tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.
Lom khom dưới núi, tiêu vài chú,
Lác đác bên sông, chợ mây nhè.
Nhớ nước đau lòng, con quốc quốc,
Thương nhà mỏi miệng, cái gia già.
Dùng chân đúng lại, trời, non, nước,
Một mảnh tình riêng, ta với ta.*

(Bà Huyện Thanh Quan)

- Số tiếng : 7 tiếng ; số dòng : 8 dòng (chia thành 4 phần : *đèo, thực, luận, kết*).
- Vần : Vần chán, đọc vận (*tà, hoa, nhà, già, ta*).
- Nhịp : 4/3.
- Hài thanh theo mô hình sau :

		Tiếng	1	2	3	4	5	6	7
Niêm và đối		Dòng 1	T		B		T	Vân	
Đối	Dòng 2	B		T		B	Vân		
	Dòng 3	B		T		B			
	Dòng 4	T		B		T	Vân		
	Dòng 5	T		B		T			
	Dòng 6	B		T		B	Vân		
	Dòng 7	B		T		B			
	Dòng 8	T		B		T	Vân		

Luật thơ thát ngón bát cú rất chặt chẽ : một mặt là luật hài thanh, đối xứng giữa các tiếng 2, 4, 6 (có thể theo thể trắc hoặc theo thể bằng) ; mặt khác, đòi hỏi phải niêm (dính) giữa các dòng 2 – 3, 4 – 5, 6 – 7 và 1 – 8. Về bố cục, bài thơ chia thành 4 cặp : 2 dòng đầu là *đè* (*phá đè* và *thừa đè*) để vào bài ; 2 dòng tiếp theo là *thực* để giải thích rõ đè ; 2 dòng *luận* để bàn luận ; hai dòng *kết* để kết bài.

Như vậy, thơ Đường luật hết sức chặt chẽ, cũng vì vậy mà rất gò bó và khó diễn đạt được những cảm xúc phóng khoáng, nhịp điệu rộng mở.

III – CÁC THỂ THƠ HIỆN ĐẠI

Phong trào Thơ mới (1932 – 1945) đã mở đầu cho việc đổi mới thơ Việt Nam. Nhiều thể thơ hiện đại xuất hiện từ đây.

Các nhà thơ trong phong trào Thơ mới đã tiếp nhận ảnh hưởng của thơ Pháp và đổi mới luật thơ cũ, “phong trào Thơ mới đã vứt đi nhiều khuôn phép xưa, song cũng nhiều khuôn phép nhân đó sẽ thêm bền vững” (Hoài Thanh – Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, NXB Văn học, Hà Nội, 2003).

Các thể thơ Việt Nam hiện đại rất đa dạng và phong phú : nôm tiếng, bảy tiếng, tám tiếng, hồn hợp, tự do, thơ – văn xuôi... Chúng vừa tiếp nối luật thơ trong thơ truyền thống, vừa có sự cách tân.

GHI NHỚ

Trong luật thơ, tiếng là đơn vị quan trọng. Số tiếng định hình trong dòng thơ, sự phối hợp thanh điệu, sự liên kết bằng vần của tiếng, sự đối lập hay kết dính ở dòng trước với dòng sau, cách ngắt nhịp thơ,... đều trở thành những quy tắc của thơ ca truyền thống, đặc biệt là các thể thơ Đường luật. Thơ hiện đại đã biến đổi nhiều, tuy nhiên, nhiều trường hợp vẫn dựa trên các quy tắc trong thơ truyền thống.

LUYỆN TẬP

Phân biệt cách gieo vần, ngắt nhịp và hài thanh của hai câu thơ bảy tiếng trong thể song thất lục bát với thể thất ngôn Đường luật qua các ví dụ sau :

a) *Trống Tràng thành lung lay bóng nguyệt,*

Khói Cam Tuyền mờ mịt thức mây,

Chín lẵn gươm báu trao tay

Nửa đêm truyền hịch định ngày xuất chinh...

(Đoàn Thị Điểm (?), *Chinh phụ ngâm*)

b)

CẢNH KHUYA

Tiếng suối trong như tiếng hát xa,

Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.

Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ,

Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

(Hồ Chí Minh)